TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 32/2018/HS-ST
Ngày 05/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bạn
Bà Phan Thị Thu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, Sinh ngày 15 tháng 01 năm 1988; ĐKNKTT: khu 4, xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 và bà Lê Thị N, sinh năm 1963. Vợ: Nguyễn Thị V (đã ly hôn) và 01 con.

Tiền sự: không.

Tiền án: 01 tiền án; Bản án số 57/2015/HSST ngày 16/04/2015 của TAND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Nhân thân:

- Bản án số 183/2016/HSST ngày 01/08/2016 của TAND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng tù về tội lạm dụng chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với bản án số 57 ngày 16/04/2015 của TAND thành phố Việt Trì bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 16 tháng 18 ngày tù.

- Bản án số 79/2016/HSST ngày 22/09/2016 của TAND thành phố Điện Biên, tỉnh Điện Biên xử phạt 12 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với hình

phạt của bản án số 183/2016/HSST ngày 01/08/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì bị cáo Đức phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 28 tháng 18 ngày.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: chị Hoàng Thị D, sinh ngày 11/4/1993
Trú tại: Xóm S, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1977
Trú tại: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1984. Vắng mặt
Trú tại: thôn Đ, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 7h30 phút ngày 14/3/2016 Nguyễn Văn Đ, SN: 1988, HKTT: Khu 6, xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ có hẹn gặp chị Hoàng Thị D, SN: 1993, trú tại: xóm S, xã H, huyện L, Hòa Bình tại chợ Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Chị D điều khiển xe môtô Attila Elizabeth BKS: 28H1-159.71 của hãng SYM, màu vàng đến chỗ hẹn sau đó Đ chở chị D đến khu công nghiệp Lương Sơn đi làm. Khi đến nơi, Đ hỏi mượn xe đi có việc và hẹn đến hết giờ làm quay lại đón chị D. Do có mối quan hệ tình cảm và tin tưởng nên chị D đồng ý. Sau khi mượn được xe, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã điều khiển xe đến cửa hàng ô tô xe máy Hiệp Huyên thuộc xã T, T, huyện C, thành phố Hà Nội, gặp chủ quán là chị Đỗ Thị H, SN: 1977 Đ đặt vấn đề bán xe và đưa giấy tờ gồm 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy đăng ký xe đều mang tên Hoàng Thị D và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Đ. Thấy có giấy tờ đầy đủ chị H đồng ý mua với giá 13.000.000đ. Số tiền trên Đ chi tiêu cá nhân hết. Đến đầu tháng 4/2016 chị Hoàng Thị L, SN 1984, trú tại: xã T, huyện C, thành phố Hà Nội đến cửa hàng của chị Đỗ Thị H mua lại chiếc xe trên với giá 16.000.000đ. Do chị Hoàng Thị L và chị H là người quen nên khi mua bán xe không viết giấy tờ. Đến ngày 10/11/2017 chị Hoàng Thị L đến UBND xã V, huyện L để xin xác nhận làm thủ tục sang tên đổi chủ đối với chiếc xe nói trên thì Công an xã V phát hiện chiếc xe đó là xe của chị Hoàng Thị D bị mất trước đó nên đã tạm giữ.

Ngày 08/01/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện Lương Sơn kết luận định giá chiếc xe môtô BKS: 28H1-159.71 hãng SYM, nhãn hiệu Attila Elizabeth màu vàng có giá trị 18.300.000 đồng (*mười tám triệu ba trăm nghìn đồng*)

Cáo trạng số 26/CT-VKSLS ngày 20/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong nội dung bản cáo trạng, khẳng định lời khai trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều tự nguyện, không bị ép cung, mớm cung hoặc bị nhục hình.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt tại cơ quan điều tra: người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố với bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng khoản 1 điều 140, điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 33 bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Đề nghị xử phạt bị cáo Đ từ 18 đến 24 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điều 122 bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho chị Đỗ Thị H số tiền 13.000.000đồng. Chị Đỗ Thị H phải trả cho chị Hoàng Thị L số tiền 16.000.000đồng. Người bị hại chị Hoàng Thị D đã nhận được xe, không yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lương Sơn, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trước cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đó là: biên bản về nguồn tố giác tội phạm, biên bản thu giữ vật chứng, kết quả định giá, phù hợp với lời khai của người bị hại, của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các

tài liệu khác. Như vậy đủ căn cứ kết luận: Lợi dụng sự tin tưởng của chị Hoàng Thị D, khoảng 7 giờ 30 phút ngày 14/3/2016 Nguyễn Văn Đ trú tại xóm K, huyện T, Phú Thọ có mượn xe mô tô hãng SYM hiệu Atila Elizabeth BKS 28H1-159.71 của Chị Hoàng Thị D. Sau khi mượn được xe, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên. Đ đã bán xe cho chị Đỗ Thị H ở xóm T, xã T, huyện C, Hà Nội với giá 13.000.000 đồng. Số tiền trên Đ chi tiêu cá nhân hết. Khoảng đầu tháng 4/2016 chị H bán xe cho chị Hoàng Thị L trú tại: xã T, huyện C, thành phố Hà Nội với giá 16.000.000 đồng. Ngày 10/11/2017 chị Hoàng Thị L đến UBND xã V, huyện L để xin xác nhận làm thủ tục sang tên đổi chủ, Công an xã đã phát hiện chiếc xe đó là của chị D bị mất trước đó nên đã thu giữ.

Hành vi của bị cáo Đ đã phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 140 bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương sơn, tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp và đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, để tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm p khoản 1 điều 46 bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Hơn nữa, bị cáo là người có nhân thân xấu, Tại thời điểm phạm tội bị cáo đang chấp hành hành hình phạt của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì 15 tháng cải tạo không giam giữ, trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thành phố Việt Trì. Sau khi bỏ trốn khỏi địa phương bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội tại địa bàn huyện L, tỉnh Hòa Bình và thành phố Điện Biên Phủ. Mặc dù hành vi phạm tội tại thành phố Việt Trì và thành phố Điện Biên Phủ đã được đưa ra xét xử nhưng sau ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại Lương Sơn nên không được coi là tiền án, xác định bị cáo là có nhân thân xấu, có thái độ coi thường pháp luật, là người khó cải tạo. Vì vậy, phải có mức án thật nghiêm khắc cách lý bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo vừa chấp hành xong hình phạt tại bản án khác, không có thu nhập, không có tài sản riêng, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với chị Đỗ Thị H là người mua xe của bị cáo Đ, xét khi bị cáo Đ đến bán xe có đầy đủ giấy tờ, chị H không biết tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý hình sự là có căn cứ.

Đối với chị Nguyễn Thị L là người mua lại xe của chị Đỗ Thị H, chị L cũng không biết chiếc xe trên do phạm tội mà có nên cũng không đề cập xử lý hình sự là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ngày 20/4/2018 cơ quan công an huyện Lương Sơn đã trao trả cho bị hại là chị Hoàng Thị D 01 chiếc xe BKS 28H-159.71, nhãn hiệu Attila Elizabeth, hãng SYM màu vàng và đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Thị D, Chị D đã nhận lại xe và không đề nghị xem xét bị cáo phải bồi thường gì. Tòa không đề cập xem xét.

Đối với số tiền 13.000.000đồng bị cáo Đ thừa nhận bán xe cho chị H, mặc dù khi bán không có giấy tờ nhưng bị cáo đã để lại chiếc xe cùng giấy tờ xe, chứng minh thư nhân dân của bị cáo Đ. Nay chị H yêu cầu bị cáo phải trả số tiền trên cho chị Hoàng Thị L. Xét việc chị H giao dịch mua bán xe trực tiếp với bị cáo Đ, chị H không biết chiếc xe trên do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Đỗ Thị H số tiền 13.000.000đồng.

Sau khi mua xe của bị cáo Đ, chị H bán lại xe cho chị L được số tiền 16.000.000đồng. Việc mua bán xe giữa chị L và chị H không có giấy tờ nhưng chị H đã giao xe cho L và thừa nhận có nhận số tiền 16.000.000đồng của chị L. Khi mua chị L không biết chiếc xe trên do phạm tội mà có. Nay chị L yêu cầu chị H trả lại chị số tiền trên là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định theo điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giam 05/10/2018.

Áp dụng điều 329 bộ luật tố tụng hình sự bắt, tạm giam bị cáo Nguyễn Văn Đ ngay sau khi tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: áp dụng điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điều 122 bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải hoàn trả cho chị Đỗ Thị H số tiền 13.000.000đồng (*mười ba triệu đồng*). Bà Đỗ Thị H phải trả cho chị Hoàng Thị L số tiền 16.000.000đồng (*Mười sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy đinh tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3.Về án phí: áp dụng điều 135, điều 136 bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 650.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đỗ Thị H phải chịu 800.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T. Hòa Bình;
- VKSND H. Lương Sơn;
- CA H. Lương Sơn;
- Chi cục THADS H. Lương Sơn;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa